TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/**2022/HNGĐ-ST
Ngày 23/02/2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương

2. Bà Đàm Thị Kim Duyên

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2021/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Ma Văn V, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Y trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Ma Văn V kết hôn với nhau năm 2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2007 tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2015 và trong thời gian sống ly thân vợ chồng không

quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn V.

- *Về con chung*: Chị và anh Vân có 01 con chung là cháu Ma Quang C, sinh ngày 17/5/2007, hiện cháu đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Vân phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, đất đai, vay nợ chung*: Chị xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Ma Văn V đến để giải quyết vụ án nhưng anh Vân đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh V vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Công Thúy Q (là mẹ đẻ anh V), anh V và chị Y được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V, chị Y không tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung, anh chị sống ly thân từ năm 2015 - 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại anh V đi làm tại Hà Nội, vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà và thỉnh thoảng về thăm gia đình nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nơi anh V ở. Gia đình bà có nhận được các văn bản của Tòa án nhiều lần và thông báo cho anh V biết nhưng anh V không đến Tòa án làm việc được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh V và chị Y có 01 con chung là cháu Ma Quang C, hiện đang sống cùng chị Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Y thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Ma Văn V chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Y:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Y được ly hôn với anh Ma Văn V.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Ma Quang C, sinh ngày 17/5/2007 cho chị Trần Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua lời khai của nguyên đơn và qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị Y, anh V không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Trần Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ma Văn V, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ma Văn V có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn anh Ma Văn V có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Trần Thị Y đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Ma Văn V. Anh V đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng vẫn về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ anh V hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh V đã biết được việc chị Y khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh V không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh V đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Y thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Ma Văn V chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Ma Văn V kết hôn với nhau từ năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 25/4/2007. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng dẫn đến việc hai vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 6/2015 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh V đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trần Thị Y được ly hôn với anh Ma Văn V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị Y và anh Ma Văn V có 01 con chung là cháu Ma Quang C, sinh ngày 17/5/2007. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu C vẫn sống cùng chị Y. Quá trình giải quyết vụ án chị Y đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Quang C và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Cháu Ma Quang C cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị Y. Ngoài ra, hiện tại anh V cũng đang đi làm ăn xa, không có địa chỉ liên lạc cụ thể. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, HĐXX thấy rằng cần giao con chung là cháu Ma Quang C cho chị Trần Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn V không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Trần Thị Y và anh Ma Văn V không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Y cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Trần Thị Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị đơn anh Ma Văn V không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Y được ly hôn với anh Ma Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Quang C, sinh ngày 17/5/2007 cho chị Trần Thị Y trực tiếp trông nom,chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Ma Văn V không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Y phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004513, ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị Y đã nộp đủ tiền án phí. Bị đơn anh Ma Văn V không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Y và bị đơn anh Ma Văn V được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã P (Giấy chứng nhận kết hôn số 118, ngày 25/4/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San